

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 262/2020/HC-PT

Ngày: 19/8/2020.

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Lê Thị Thúy Bình .

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Th Mai, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 89/2020/TLPT-HC ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Khởi kiện Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 34/2019/HC-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5785/2020/QĐPT-HC ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Anh Vũ Văn D, sinh năm 1982; trú tại: Khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu V, phường Q, thành phố Z, tỉnh Z. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Vũ Quang Dg– Văn phòng luật sư Quang Dg và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Z; Địa chỉ: Số x CT, phường ĐN, thị xã Y, tỉnh Z. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Z. Địa chỉ: t, Đường T, SH, Z. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Z: Ông Đàm Đình Đh– Phó GD Sở TN&MT tỉnh Z. Vắng mặt – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân thị xã Y, tỉnh Z. Địa chỉ: Phường ĐN, thị xã Y, tỉnh Z.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Tn – Phó chủ tịch UBND thị xã Y, tỉnh Z. Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Y, tỉnh Z. Địa chỉ: Phường ĐN, thị xã Y, tỉnh Z.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Tn – Phó chủ tịch UBND thị xã Y, tỉnh Z. Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường X, thị xã Y, tỉnh Z.

Người đại diện hợp pháp: Bà Cao Thị Hồng L – Chủ tịch UBND phường X. Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Công ty Cổ phần Vigacera Y. Địa chỉ: Phường X, thị xã Y, tỉnh Z.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Xuân H. Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu V, phường Q, thành phố Z, tỉnh Z. Có mặt.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại các đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng phía người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Hộ gia đình anh có đất bị thu hồi do nằm dưới hành lang đường dây 500/220KV H-Đ-Z thuộc Khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z. Trong quá trình thực hiện bồi thường, Hội đồng bồi thường GPMB đã không bồi thường đủ diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình anh. Theo đó: Gia đình anh bị thu hồi 88,7m² chỉ được bồi thường là 80,2 m², còn diện tích 8,5m² không được bồi thường. Ngoài ra, không xem xét cho gia đình anh được hỗ trợ 1 lô đất tái định cư 90m² mà chỉ được bồi thường 1 lô đất tái định cư với diện tích 60,0m² là không thỏa đáng.

Do không đồng ý với việc bồi thường nêu trên nên anh đã ủy quyền cho anh trai là Vũ Văn A làm đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan có thẩm quyền trong đó có UBND thị xã Y để yêu cầu họ xác định lại diện tích đất thực tế bị thu hồi của anh và thực hiện việc bồi bồi thường cho anh theo đúng hiện trạng sử dụng đất thực tế, xem xét cho gia đình anh được hưởng 1 lô đất tái định cư 90m² theo quy định.

Ngày 09/02/2018, Phòng TN&MT thị xã Y đã có Công Văn số 17/CV-TNMT về việc trả lời đơn kiến nghị của gia đình anh khẳng định diện tích đất bồi thường, hỗ trợ cho hộ anh Vũ Văn D là đúng quy định và yêu cầu được hỗ trợ 1 lô đất tái định cư 90m² của hộ anh D là không phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt.

Ngày 19/03/2018, anh A đã làm đơn khiếu nại Công Văn số 17/CV-TNMT gửi đến UBND thị xã Y. Ngày 24/04/2018, UBND thị xã Y ban hành Văn bản số 130/UBND-NC của về việc trả lời đơn của anh nhưng vẫn kết luận việc xác định diện tích và thực hiện bồi thường cho anh đã đúng quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2018 anh A đã làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND thị xã Y. Ngày 26/11/2018, Chủ tịch UBND thị xã Y ban hành Quyết định số 1053/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của anh nội dung không đồng ý với đề nghị, giữ nguyên nội dung trả lời tại Văn bản số 130/UBND-NC và yêu cầu gia đình anh bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư để thực hiện đảm bảo dự án theo đúng quy định

Ngày 16/12/2018, anh đã làm đơn kêu cứu gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Z để yêu cầu hủy bỏ Văn bản số 130/UBND-NC của UBND thị xã Y và Quyết định số 1053/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị xã Y.

Ngày 28/2/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Z ban hành Quyết định 258/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của anh Vũ Văn D, khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z (lần 2). Tại quyết định này, Chủ tịch UBND tỉnh không chấp nhận đơn khiếu nại của anh, thông nhất với kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y. Nay anh cho rằng:

- Trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 1053/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị xã Y là vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại, vi phạm quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại tại Luật khiếu nại năm 2011.

- Việc cơ quan có thẩm quyền tại các văn bản giải quyết, trả lời đơn thư trên cho rằng diện tích 8.5m² bị thu hồi không được bồi thường của gia đình anh là diện tích nằm ngoài ranh giới, mốc giới quy hoạch đồng thời sử dụng sau ngày 01/7/2004 nên không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ và không được bồi thường là không đúng. Vì nguồn gốc đất của hộ gia đình anh là của mẹ anh là bà Nghìn quản lý, sử dụng từ năm 1989, kể từ thời điểm đó đến nay hiện trạng thửa đất mà gia đình anh đang sử dụng không có bất kỳ thay đổi nào về hiện trạng sử

dụng và mốc giới sử dụng đất. Diện tích đất trên gia đình anh đã xây dựng nhà, đã kê khai nộp thuế đầy đủ và sử dụng ổn định từ năm 1989 đến nay mà không có tranh chấp với ai. Trước thời điểm bị thu hồi thì diện tích trên không nằm trong quy hoạch cho các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai và thời điểm này cũng chưa có Văn bản số 260/SXD về việc thỏa thuận phương án quy hoạch chia lô Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần VY. Đến năm 2017, diện tích đất này mới nằm trong quy hoạch và thuộc đối tượng bị thu hồi để phục vụ cho việc xây dựng hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện 500/220Kv. Do vậy, diện tích đất bị thu hồi của gia đình anh đã đáp ứng đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ và được bồi thường khi thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

Theo văn bản 260/SXD năm 2008 thì diện tích đất của gia đình anh là 85,04m² nhưng đến khi đo đạc lại tại bản đồ địa chính năm 2014 lại chỉ còn 80,2m². Tại sao qua các lần đo đạc diện tích đều không đồng nhất như vậy mà cơ quan có thẩm quyền lại có thể sử dụng, lựa chọn kết quả đo theo bản đồ địa chính năm 2014 làm căn cứ xác định diện tích đất của gia đình anh và khẳng định diện tích đất vượt quá theo bản đồ địa chính năm 2014 là 8,5m² của gia đình anh là đất nằm ngoài gianh giới mốc giới quy hoạch và sử dụng sau ngày 1/7/2004. Anh khẳng định hiện trạng sử dụng đất của gia đình anh từ năm 1989 là không thay đổi việc cơ quan có thẩm quyền cho rằng diện tích bị thu hồi 8,5m² của gia đình anh là nằm ngoài quy hoạch và sử dụng sau ngày 01/7/2004 nên không đủ điều kiện cấp GCN QSD đất và không được bồi thường là trái với quy định của pháp luật.

- Cơ quan có thẩm quyền không xác định lại diện tích bị thu hồi của gia đình anh và không chấp nhận cho anh được hưởng 1 lô đất tái định cư có diện tích là 90m² là không công bằng và không thấu tình đạt lý.

Gia đình anh đã tự thuê đơn vị thứ 3 tiến hành xác định lại diện tích quản lý, sử dụng thì xác định diện tích đất thực tế mà hộ anh hiện đang sử dụng là 104,9m². Diện tích này lớn hơn rất nhiều so với con số 88,7 m² đo lại khi thu hồi và cũng nhiều hơn rất nhiều so với diện tích được bồi thường là 80,2m² theo hồ sơ bồi thường mà cơ quan có thẩm quyền đưa ra.

Tại Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018, Chủ tịch UBND thị xã Y xác định: “ Theo bản đồ địa chính UBND phường X đo đạc năm 2014 và hồ sơ đề nghị cấp GCN QSD đất được lưu giữ, thể hiện: ...Anh Vũ Văn D quản lý và sử dụng thửa đất số 85, tờ bản đồ 114, loại đất ODT, diện tích đủ điều kiện cấp GCN QSD đất là 80,2m² (Hộ gia đình anh D (do anh Vũ Văn Vg-bố anh D) đã nhất trí diện tích này và ký hồ sơ)”. Anh khẳng định trong tất cả các lần đo đạc trên đều do cơ quan có thẩm quyền tự mình thực hiện, gia đình anh không được mời tham gia. Do vậy việc bố anh ký vào hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất trên không thể khẳng định việc đo đạc là đúng với thực tế sử dụng của gia đình anh.

Nhận thấy, với việc xác định diện tích bị thu hồi là 88,7m² (trong đó được bồi thường là 80,2m² và không được bồi thường là 8,5m²) trong khi diện tích đo

đặc lại tại thời điểm thu hồi của cơ quan có thẩm quyền khác so với 104,9m² thực tế bị thu hồi (theo kết quả của đơn vị đo vẽ do gia đình anh tự thuê) đã gây ảnh hưởng và thiệt hại rất lớn cho anh. Với diện tích bị thu hồi hết là 104,9m² này thì gia đình anh phải được hưởng một suất tái định cư có diện tích 90m² mới đảm bảo đủ quyền và lợi ích hợp pháp. Việc các cơ quan có thẩm quyền tự ý điều chỉnh một phần quy hoạch mỗi lô đất tái định cư từ 90m²/lô thành 60m²/lô là không đúng quy định, không thỏa đáng với gia đình anh.

Ngày 17/9/2019, đại diện theo ủy quyền của anh D bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định 995/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND thị xã Y về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu dân cư dịch vụ do Quyết định này không đúng quy định của Luật xây dựng và Luật quy hoạch đô thị.

Anh D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Z:

- Hủy một phần Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220KV H-Đ - Z 2 (đợt 2) đối với gia đình anh Vũ Văn D.

- Hủy một phần Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị Dc và anh Vũ Văn D (lần đầu)” đối với phần liên quan đến anh Vũ Văn D.

- Hủy Quyết định số: 258/QĐ-UBND ngày 28/2/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Z “Về việc giải quyết khiếu nại của anh Vũ Văn D, khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z (lần 2).

- Hủy Quyết định 995/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND thị xã Y về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu dân cư dịch vụ và quỹ đất đầu giá tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường X.

- Yêu cầu UBND thị xã Y lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình anh D diện tích đất ở là 24,7m².

- Yêu cầu được hưởng 01 suất tái định cư với diện tích là 90m² theo quy định của pháp luật.

** Ông Hoàng Bá R – Phó Chủ tịch UBND thị xã Y trình bày:*

Thửa đất của hộ anh Vũ Văn D có nguồn gốc là đất của bà Đặng Thị N (Mẹ anh Vũ Văn D) được Xí nghiệp Gạch Y (nay là Công ty cổ phần VY) thanh lý nhà tập thể năm 1989 với diện tích là 38,0 m² tại khu A. Trong quá trình sử dụng nhà, bà Đặng Thị N được mượn đất của Xí nghiệp Gạch Y (Công ty cổ phần VY), sau này bà N đã tách cho 3 người con trai gồm: anh Vũ Văn A, anh Vũ Văn M và anh Vũ Văn D.

Theo bản đồ địa chính trích đo của Công ty cổ phần VY thuê đơn vị tư vấn lập, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Z phê duyệt ngày 20/8/2007 được thể hiện như sau:

+ Anh Vũ Văn D quản lý và sử dụng thửa đất số 124, diện tích 85,0m², loại đất SKC.

+ Anh Vũ Văn A quản lý và sử dụng thửa đất số 113, diện tích 108,3m².

+ Anh Vũ Văn M quản lý và sử dụng thửa đất số 110, diện tích 83,9m².

- Theo bản đồ quy hoạch được Sở xây dựng tỉnh Z phê duyệt tại Văn bản số 260/SXD-QLN ngày 14/11/2008, thể hiện như sau:

+ Anh Vũ Văn D quản lý và sử dụng thửa đất số 116, diện tích 85,04m², loại đất SKC.

+ Anh Vũ Văn A quản lý và sử dụng thửa đất số 117, diện tích 112,75m².

+ Anh Vũ Văn M quản lý và sử dụng thửa đất số 118, diện tích 83,85m².

Theo bản đồ địa chính UBND phường X đo đạc năm 2014 và hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất được lưu giữ, thể hiện như sau:

+ Anh Vũ Văn D quản lý và sử dụng thửa đất số 85, tờ bản đồ 114, loại đất ODT, diện tích đủ điều kiện cấp GCNQSD đất là 80,2 m² (Hộ gia đình anh D đã nhất trí diện tích này và ký hồ sơ).

+ Anh Vũ Văn A quản lý và sử dụng thửa đất số 145, tờ bản đồ 114, diện tích 106,8m².

+ Anh Vũ Văn M quản lý và sử dụng thửa đất số 144, tờ bản đồ 114, diện tích 82,6m².

Theo hồ sơ thu hồi đất thực hiện Dự án đường điện 500/200kv H-Đ - Z 2, thể hiện như sau:

+ Anh Vũ Văn D quản lý và sử dụng thửa đất số 18, diện tích 88,7m².

+ Anh Vũ Văn A quản lý và sử dụng thửa đất số 19, diện tích 106,8m².

+ Anh Vũ Văn M quản lý và sử dụng thửa đất số 17, diện tích 82,6m².

Như vậy, theo bản đồ địa chính UBND phường X đo đạc năm 2014 và hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất của hộ anh Vũ Văn D đang sử dụng là thửa số 85, tờ bản đồ 114, loại đất ODT, diện tích đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 80,2 m² (đã được gia đình xác nhận mốc giới, nhất trí diện tích này và ký hồ sơ). Phần diện tích 88,7 m² thể hiện tại hồ sơ thu hồi đất thực hiện Dự án đường điện 500/200kv H-Đ - Z 2 (bản đồ trích đo số 1) có bao gồm phần diện tích 80,2 m² đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và 8,5m² nằm ngoài ranh giới, mốc giới quy hoạch, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Do vậy, việc UBND thị xã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của hộ anh Vũ Văn D (tại Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018) với diện tích đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ là 80,2 m² là đúng quy định tại Điều 75, Điều 79 Luật Đất đai năm 2013.

Việc hộ anh Vũ Văn D đề nghị Hội đồng bồi thường GPMB thị xã bồi thường, hỗ trợ cho hộ anh D đối với phần diện tích 8,5 m² đất nêu trên là không có cơ sở.

Về việc kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của hộ anh Vũ Văn D:

Theo đề nghị của anh Vũ Văn A (người được anh D ủy quyền), Đoàn xác minh của thị xã đã tiến hành đo, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của hộ anh D đối với thửa đất số 18 (theo hồ sơ thu hồi đất thực hiện dự án) tại khu phố Đ, phường X. Theo kết quả đo kiểm tra, thực trạng sử dụng đất của hộ anh Vũ Văn D được thể hiện cơ bản đúng kích thước như hồ sơ địa chính năm 2013, 2014 của hộ anh Vũ Văn D; tại buổi đo kiểm tra hiện trạng, anh Vũ Văn A (người được anh Vũ Văn D ủy quyền) có chỉ và miêu tả thêm ranh giới phía Nam và phía Tây thửa đất của hộ anh Vũ Văn D về phần đất ngõ và đất Ao của địa phương nhưng không có cơ sở gì để chứng minh và thực tế thì hộ anh Vũ Văn D cũng chưa bao giờ sử dụng đến phần ranh giới như anh Vũ Văn A đã miêu tả.

Do vậy, việc anh Vũ Văn D đề nghị bồi thường, hỗ trợ đối với cả phần diện tích đất ngõ và đất Ao của địa phương mà hộ anh D chưa bao giờ sử dụng đến và không có cơ sở gì để chứng minh là không có cơ sở pháp lý để xem xét, giải quyết. Việc anh D đề nghị Hội đồng bồi thường GPMB của thị xã bồi thường, hỗ trợ 01 lô đất đất tái định cư diện tích 90m² là không có cơ sở để xem xét do vị trí khu đất tái định cư đã có hạ tầng xây dựng hoàn chỉnh, diện tích các lô đất đã được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của anh Vũ Văn D.

** Chủ tịch UBND tỉnh Z trình bày:*

Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện đúng quy định. Về nội dung khởi kiện của anh D: Quá trình giải quyết đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 2427/QĐ-UBND về việc giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xác minh làm rõ nội dung khiếu nại của bà Đỗ Thị Dc và anh Vũ Văn D. Căn cứ Báo cáo số 47/BC-STNMT ngày 20/02/2019 của Sở Tài nguyên và môi trường về kết quả xác minh đơn của bà Đỗ Thị Dc và anh Vũ Văn D, Chủ tịch UBND tỉnh đã không chấp nhận khiếu nại của anh Vũ Văn D; Thống nhất với kết quả giải quyết đơn khiếu nại của anh Vũ Văn D tại Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y là đúng quy định. Chủ tịch UBND tỉnh Z không đồng ý việc khởi kiện của anh Vũ Văn D về yêu cầu hủy Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 28/02/2019.

** Đại diện UBND phường X trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất là của bà Đặng Thị N (mẹ anh D) được Xí nghiệp gạch Y (nay là Công ty cổ phần VY) bán thanh lý nhà tập thể năm 1990 diện tích 38m², quá trình sử dụng bà N mượn đất của Công ty và sau này chia cho 03 con trai sử dụng (trong đó có anh D). Theo Bản đồ địa chính năm 2014 thửa đất của hộ anh D là thửa số 85, tờ bản đồ số 114, diện tích 80,2 m². Căn cứ hồ sơ

đăng ký xin cấp GCNQSDĐ, Hội đồng đang ý đất đai phường X đã xét duyệt thửa đất hộ anh D sử dụng đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ diện tích là 80,2 m².

** Đại diện Công ty cổ phần Vigacera Y trình bày:*

Năm 1989, Công ty bán thanh lý phần nhà và bếp này cho cá công nhân của Công ty để công nhân tự sửa chữa làm nhà ở. Sau khi được thanh lý các hộ dân đã xây dựng lại nhà ở trên cả phần nhà ở, bếp cũ và cả sân; một số hộ còn coi nói thêm cả phần ao, đất của địa phương để làm nhà ở. Năm 2007 Công ty có văn bản đề nghị được giao trả lại khu đất đã xây dựng cho công nhân sử dụng sang phường X quản lý và được UBND tỉnh đồng ý. Cùng năm 2007 Công ty đã lập hồ sơ quy hoạch chi tiết khu dân cư tại khu vực này. Đối với hộ bà N (mẹ anh D): Công ty bán thanh lý nhà cho hộ bà N là 38m² được thể hiện tại bản đồ địa chính khu đất xin chuyển mục đích sử dụng đất của Công ty năm 2007 được thể hiện là 03 thửa gồm: thửa số 124 diện tích 85m²; thửa số 113 diện tích 108,3m²; thửa số 110 diện tích 83,9m². Đối với thửa số 124 diện tích 85m² này thì sau này bà N cho anh D sử dụng. Nay Nhà nước thu hồi diện tích đất này và việc anh D khởi kiện việc thu hồi đất thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2019/HC-ST ngày 21/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Z, quyết định: Căn cứ vào Điều 32; khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính

Căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 358 Luật tổ tụng hành chính

Căn cứ Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 11 Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Z

Căn cứ Điều 18, Điều 21, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 40 Luật khiếu nại và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn D gồm:

- Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220KV H-Đ - Z 2 (đợt 2) đối với gia đình anh Vũ Văn D.

- Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị Dc và anh Vũ Văn D (lần đầu)” đối với phần liên quan đến anh Vũ Văn D.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số: 258/QĐ-UBND ngày 28/2/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Z “Về việc giải quyết khiếu nại của anh Vũ Văn D, khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z (lần 2).

- Bác yêu cầu hủy Quyết định 995/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND thị xã Y về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu dân cư dịch vụ và quỹ đất đấu giá tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường X.

- Bác yêu cầu UBND thị xã Y lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình anh D diện tích đất ở là 21m².

- Bác yêu cầu được hưởng 01 suất tái định cư với diện tích là 90m² theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 28/11/2019, chị Nguyễn Thị X là người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220KV H-Đ - Z 2 (đợt 2) đối với gia đình anh Vũ Văn D; hủy một phần Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị Dc và anh Vũ Văn D (lần đầu)” đối với phần liên quan đến anh Vũ Văn D; hủy Quyết định số: 258/QĐ-UBND ngày 28/2/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Z “Về việc giải quyết khiếu nại của anh Vũ Văn D, khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z (lần 2); hủy Quyết định 995/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND thị xã Y về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu dân cư dịch vụ và quỹ đất đấu giá tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường X. Yêu cầu UBND thị xã Y lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình anh D diện tích đất ở là 24,7m². Yêu cầu được hưởng 01 suất tái định cư với diện tích là 90m² theo quy định của pháp luật.

Luật sư Vũ Quang Dgười bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện sau khi phân tích nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt HĐXX) hủy bản án hành chính sơ thẩm số 34/2019/HC-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt HĐXX) phúc thẩm áp dụng Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Chủ tịch UBND tỉnh Z, ông Đàm Đình Đh- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Z, ông Nguyễn Thế Tn đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị xã Y và UBND thị xã Y, bà Cao Thị Hồng L đại diện hợp pháp của UBND phường X, ông Trần Xuân H đại diện hợp pháp của công ty Vigacera đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị X, luật sư bảo vệ quyền lợi ích người khởi kiện đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX tiến hành giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 12/3/2019, anh D có đơn khởi kiện đối với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ số 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y; Quyết định giải quyết khiếu nại số 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y; Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số: 258/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Z và yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định. Như vậy, quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án này là “Yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại”. Tòa án nhân dân tỉnh Z thụ lý giải quyết vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền cũng như thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Trong vụ án này, anh D khởi kiện đối với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y và yêu cầu lập phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất. Căn cứ khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, HĐXX xem xét cả tính hợp pháp của Quyết định hành chính có liên quan là Quyết định thu hồi đất:

[3.1] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số: 08/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220kv H-Đ - Z 2” và Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y “Về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất ở do nằm dưới hành lang đường dây 500/220KV H-Đ - Z 2 (đợt 2)” đối với anh Vũ Văn D:

** Về hình thức và thẩm quyền ban hành:* Quyết định số 08/QĐ-UBND và Quyết định số 11/QĐ-UBND của UBND thị xã Y được ban hành theo quy định đúng thẩm quyền, hình thức văn bản theo quy định khoản 2 Điều 66 Luật đất đai và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

** Về trình tự thủ tục ban hành:*

UBND thị xã Y ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

** Xét yêu cầu lập phương án bồi thường hỗ trợ của anh Vũ Văn D:*

Quyết định số 08/QĐ-UBND và Quyết định số 11/QĐ-UBND của UBND thị xã Y, hộ anh Vũ Văn D bị thu hồi 88,7m² đất ở tại khu phố Đ, phường X, thị xã Y; diện tích đủ điều kiện bồi thường là 80,2m²; diện tích không đủ điều kiện bồi thường là 8,5m². Số tiền bồi thường hỗ trợ về tài sản trên đất là 104.868.592đ. Người khởi kiện không thắc mắc về số tiền bồi thường hỗ trợ tài sản trên đất mà chỉ thắc mắc về diện tích đất thu hồi còn thiếu chưa được bồi thường theo quy định.

Xem xét nguồn gốc đất của anh Vũ Văn D thì thấy: Nguồn gốc đất là của bà Đặng Thị N được Xí nghiệp Gạch Y thanh lý nhà tập thể năm 1989 với diện tích là 38,0 m² tại khu A. Trong quá trình sử dụng nhà, bà N được mượn đất của Xí nghiệp Gạch Y, sau này bà N đã tách cho 3 người con trai gồm: Vũ Văn A, Vũ Văn M và Vũ Văn D. Theo bản đồ quy hoạch được Sở xây dựng tỉnh Z phê duyệt tại Văn bản số 260 thì anh D quản lý và sử dụng thửa đất số 116, diện tích 85,04 m², loại đất SKC (đất sản xuất kinh doanh không phải là đất ở). Theo bản đồ địa chính UBND phường X đo đạc năm 2014 và hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất được lưu giữ tại UBND phường thể hiện: anh Vũ Văn D quản lý và sử dụng thửa đất số 85, tờ bản đồ 114, loại đất ODT, diện tích được xét duyệt đủ điều kiện cấp GCNQSD đất là 80,2m². Việc xét duyệt cấp GCN dựa trên hiện trạng, kết quả bản đồ địa chính năm 2014 và kê khai của gia đình anh D.

Quá trình giải quyết vụ án theo yêu cầu của người khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã 02 lần tiến hành đo đạc, thẩm định đối với hiện trạng sử dụng đất của gia đình anh D xác định hiện trạng sử dụng đo đạc lần 1 là 80,2m², ranh giới hiện trạng trùng với ranh giới bản đồ địa chính năm 2014. Kết quả đo đạc thẩm định lần 2 xác định hiện trạng là 80,5m² (có sai số không đáng kể so với kết quả lần 1). Việc gia đình anh D tự xác định diện tích thực tế sử dụng lớn hơn cả 2 lần thẩm định nhưng phần lớn hơn đó hiện trạng đều là phần rãnh thoát nước, ngõ đi chung của tập thể và phần bờ ao nên không có cơ sở để xác định diện tích đất đó thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh D.

Như vậy, HĐXX thấy rằng căn cứ Bản đồ địa chính chính quy đo đạc năm 2014 đã xác định diện tích đất của gia đình anh D là 80,2m² là đúng với hiện

trạng sử dụng đất của gia đình anh D, phù hợp với kết quả đo đạc thẩm định hiện trạng sử dụng đất của Tòa án. Diện tích đất này cũng đã được UBND phường xác nhận đủ điều kiện cấp GCNQSDD. Do vậy UBND thị xã Y thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình anh D diện tích đất là 80,2m² là đúng quy định pháp luật. Việc anh D khởi kiện đề nghị lập phương án bồi thường bổ sung đối với diện tích đất ở là 21m² là phần rãnh thoát nước, ngõ đi chung của tập thể và phân bờ ao (đều do gia đình anh D tự xác định không đúng hiện trạng sử dụng đất) là không có cơ sở.

Qua chồng ghép Bản đồ đo đạc dự án với hiện trạng thực tế sử dụng của gia đình anh D có sự chênh lệch cơ bản đều là thuộc phần ngõ đi, bờ ao, nằm ngoài ranh giới quy hoạch nên phần diện tích 8,5m² UBND thị xã Y xác định không đủ điều kiện bồi thường là đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm chỉ X đại diện anh D cho rằng, ngõ đi chung là thuộc quyền sử dụng của anh D nên thực tế thu hồi 21 m² nhưng chỉ X không xuất trình tại liệu chứng minh yêu cầu của mình.

Do vậy, việc UBND thị xã Y thu hồi đất và lập phương án bồi thường cho gia đình anh D đối với diện tích 80,2m² đất ở để thực hiện dự án đường dây 500/200kv H-Đ- Z 2 là đúng quy định. Các kiến nghị của anh Vũ Văn D đã được UBND thị xã Y trả lời đúng quy định tại Công văn số 17/CV-TNMT và Văn bản số 130/UBND-NC. Yêu cầu hủy Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 23/01/2018; Hủy một phần Quyết định số: 11/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND thị xã Y và yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 21m² đất bị thu hồi của anh D là không có cơ sở.

* Đối với yêu cầu hủy Quyết định 995/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND thị xã Y về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu dân cư dịch vụ và quỹ đất đầu giá tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường X và Yêu cầu được hưởng 01 suất tái định cư với diện tích là 90m² theo quy định của pháp luật thì thấy:

Để có quỹ đất tái định cư cho một số hộ gia đình phải di chuyển chỗ ở, UBND thị xã đã có Văn bản đề nghị UBND tỉnh cho phép điều chỉnh quy hoạch, danh một số lô đất ở tại dự án Khu dân cư dịch vụ và quỹ đất đầu giá tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường X.

Việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu dân cư dịch vụ và quỹ đất đầu giá tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường X cơ bản chỉ điều chỉnh cục bộ chia lô, điều chỉnh cục bộ không làm ảnh hưởng tới quy hoạch tổng thể và phá vỡ kết cấu hạ tầng của dự án.

Ngày 12/12/2017 UBND thị xã Y đã ban hành Quyết định 995/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu dân cư dịch vụ và quỹ đất đầu giá tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường X với nội dung Chia lại 04 lô đất số 270, 271, 272, 273, diện tích mỗi lô 90m² thành 06 lô có ký hiệu mỗi lô 60m² (kích thước 4x15m).

Ngày 23/01/2018, UBND thị xã Y có Quyết định số 10/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường bằng đất ở cho các hộ gia đình bị thu hồi đất để giải phóng mặt bằng hành lang đường dây 500/220KV Hiệp Hòa-Đông Anh-Z 2.

Theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Z ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và thực hiện trình tự thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Z:

“Suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở hoặc bằng tiền để phù hợp với từng dự án và việc lựa chọn của người được bố trí tái định cư.

1. Quy định bằng đất ở: Diện tích tối thiểu là 60 m² đối với khu vực đô thị và 80 m² đối với khu vực nông thôn...”

Như vậy, việc UBND thị xã Y điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu dân cư dịch vụ và quỹ đất đầu giá tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng phường X để lấy quỹ đất bồi thường tái định cư cho dự án đường dây 500/200kv H-Đ-Z 2 mỗi lô 60m² là phù hợp quy định pháp luật. Vị trí khu đất tái định cư đã có hạ tầng xây dựng hoàn chỉnh và đến nay đã có 5/6 hộ nhận đất tái định cư. Do vậy, anh D yêu cầu hủy Quyết định 995/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND thị xã Y và yêu cầu hướng 01 suất tái định cư với diện tích là 90m² là không có căn cứ.

[3.2] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị Dc và anh Vũ Văn D (lần đầu)” đối với phần liên quan đến anh Vũ Văn D:

* Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành: Anh Vũ Văn A được sự ủy quyền của anh D có đơn khiếu nại đối với Văn bản số 130/UBND-NC ngày 24/4/2018 của UBND thị xã Y về việc trả lời đơn của một số công dân khu phố Đ, phường X. Ngày 01/6/2018, Chủ tịch UBND thị xã Y ban hành Quyết định số 438/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 15/11/2018, Đoàn xác minh đã có Báo cáo số 58/BC-ĐXM về việc báo cáo kết quả xác minh khiếu nại.

Chủ tịch UBND thị xã Y ban hành Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị Dc và anh Vũ Văn D (lần đầu)” là đúng trình tự thủ tục cũng như thẩm quyền và hình thức theo quy định tại Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Tuy nhiên, về thời hạn ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là chưa đúng quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại nhưng không phải là căn cứ để hủy Quyết định, Chủ tịch UBND thị xã Y cũng cần rút kinh nghiệm.

* Về nội dung Quyết định:

Như đã nhận định ở trên, việc UBND thị xã Y thu hồi của anh D để thực hiện dự án đường dây 500/200kv H-Đ-Z 2; lập phương án bồi thường hỗ trợ đối

với diện tích đất 80,2m²; hỗ trợ tái định cư lô đất diện tích 60m² là đúng pháp luật quy định pháp luật. Các kiến nghị của anh Vũ Văn D đã được UBND thị xã Y trả lời đúng quy định tại Công văn số 17/CV-TNMT và Văn bản số 130/UBND-NC. Đoàn xác minh cũng đã tiến hành làm việc, xác minh đúng nguồn gốc thửa đất của anh Vũ Văn D tại các cơ quan, tổ chức có liên quan và xác định phần diện tích gia đình anh D chỉ nằm ngoài ranh giới và không đủ điều kiện bồi thường.

Do vậy, Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị Dc và anh Vũ Văn D (lần đầu)” không chấp nhận nội dung khiếu nại của anh Vũ Văn D là đúng quy định pháp luật.

[4] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số: 258/QĐ-UBND ngày 28/2/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Z “Về việc giải quyết khiếu nại của anh Vũ Văn D, khu phố Đ, phường X, thị xã Y, tỉnh Z (lần 2):

** Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành:*

Do có khiếu nại của anh A (đại diện theo ủy quyền của anh D đối với Quyết định số: 1053/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 2427/QĐ-UBND về việc giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xác minh làm rõ nội dung khiếu nại của bà Đỗ Thị Dc và anh Vũ Văn D. Trên cơ sở Báo cáo số 47/BC-STNMT ngày 20/02/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Z đã ban hành Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 về việc giải quyết khiếu nại của anh Vũ Văn D là đúng trình tự thủ tục cũng như thẩm quyền và hình thức theo quy định tại Điều 21, Điều 40 Luật khiếu nại 2011 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

** Về căn cứ ban hành Quyết định hành chính, HĐXX thấy:*

Như đã nhận định ở trên, Quyết định số: 1053/QĐ-UBND được ban hành đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền cũng như nội dung theo quy định. Do vậy, căn cứ Báo cáo số 34/BC-TNMT ngày 22/03/2013 của Sở TN&MT tỉnh, ngày 12/4/2013, Chủ tịch UBND tỉnh Z ban hành Quyết định số: 258/QĐ-UBND ngày 28/2/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Z “Về việc giải quyết khiếu nại của anh Vũ Văn D với nội dung: “Không chấp nhận đơn khiếu nại của anh Vũ Văn D. Thống nhất với kết quả giải quyết khiếu nại của anh Vũ Văn D tại Quyết định số: 1053/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Y” là đúng quy định. Yêu cầu hủy Quyết định 258/QĐ-UBND là không có cơ sở.

[5] Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy rằng việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ của UBND thị xã Y; các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã Y, Chủ tịch UBND tỉnh Z được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục cũng như nội dung. Do vậy cần bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn D.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, anh D đã đề nghị Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất thu hồi 02 lần và chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ cả 2 lần là 10.000.000đ. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên anh D phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận anh D đã nộp đủ số tiền này.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Vũ Văn D cũng không cung cấp thêm chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, cần chấp nhận quan điểm của người bị kiện và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát bác đơn kháng cáo của anh Vũ Văn D.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của anh Vũ Văn D không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Văn D và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2019/HC-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

[2] Về án phí: Do kháng cáo của anh Vũ Văn D không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 nghìn đồng, được đối trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004597 ngày 13/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Z.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;
- Cục THADS tỉnh Z;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng

Lê Thị Thúy Bình

Nguyễn Văn Cường

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;
- Cục THADS tỉnh Z;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Trọng

Lê Thị Thúy Bình

Nguyễn Văn Cường

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Hùng

Ngô Hồng Phúc

Nguyễn Văn Cường